

LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ
CÁC HOẠT ĐỘNG LÂM SINH NĂM 2019**

I. Mục đích

- Nắm bắt được tình hình, tiến độ, chất lượng so với kế hoạch, quy định của Công ty.
- Kiểm soát các tiêu chí đảm bảo môi trường và xã hội
- Đưa ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

II. Nội dung thực hiện

- Thực hiện theo quy định về hệ thống giám sát đánh giá các hoạt động lâm sinh trong quản lý rừng của công ty TNHH NN MTV lâm nghiệp Tiên Phong.
- Các chỉ số đánh giá chính:

Hạng mục	Các chỉ số đánh giá chính	Hạng mục	Các chỉ số đánh giá chính
1. Vườn ươm	Chất lượng cây đầu dòng; Tình hình sản xuất cây giống; Số lượng; Tình hình lao động; Vệ sinh môi trường.	2. Trồng rừng, chăm sóc rừng	Địa điểm, diện tích; Quy cách kỹ thuật; Xử lý thực bì; Tiêu chuẩn cây giống; Tình hình lao động; Vệ sinh môi trường.
3. Khai thác rừng	Địa điểm, diện tích; Kỹ thuật khai thác; Đường vận chuyển Tình hình lao động; Vệ sinh môi trường.	4. Các hoạt động điều tra	Điều tra tăng trưởng Động thực vật ...

III. Phương pháp, nhân lực thực hiện

- Phương pháp thực hiện: Thực hiện theo kế hoạch giám sát đánh giá các hoạt động lâm sinh 2019, tùy vào từng hạng mục để có kế hoạch thực hiện hay phương pháp riêng.
- Nhân lực thực hiện:
 - + Phòng KHKT – BVR.
 - + Các đội sản xuất, trung tâm.

IV. Kết quả giám sát, đánh giá

1. Kết quả giám sát, đánh giá chung

- Nhìn chung, các hoạt động lâm sinh của công ty năm 2019 thực hiện khá tốt, đúng theo kế hoạch đã đề ra. Mọi hoạt động được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao, đúng chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Đã đưa ra được các biện pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề nảy sinh hay nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Các hoạt động đều chú trọng đến các chỉ số về môi trường, đã đưa ra được các giải pháp khắc phục kịp thời khi xuất hiện những tác động gây ảnh hưởng đến môi trường như Sửa đường, thu gom hay xử lý rác thải, trồng cây bản địa để giữ đất,...

- Tuy nhiên, vẫn còn xảy ra một số hạn chế do năng lực của người lao động chưa cao, ý thức, tính tuân thủ kỷ luật, an toàn vệ sinh lao động chưa tốt đặc biệt là công nhân lao động của nhà thầu phụ (khai thác rừng, vận xuất, vận chuyển).

2. Kết quả các chỉ số đánh giá chính

a) Hoạt động sản xuất vườn ươm

Chỉ số giám sát chính	Kết quả giám sát	Nguồn thu thập	
1. Tình hình cây đầu dòng			
- Dòng giống	10 dòng đã được SNN&PTNT công nhận	Hệ thống biểu GS hoạt động vườn ươm, báo cáo kết quả sản xuất vườn ươm	
- Chất lượng cây đầu dòng	Tốt		
- Chăm sóc	Đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật		
2. Số lượng			
- Sản xuất cây giống	10,1 triệu cây các loại		
- Tỷ lệ cây xuất vườn	81 – 93%		
4. Lao động			
Thuốc y tế, bảo hộ lao động, bảo hiểm	Trang bị đầy đủ		
An toàn lao động	Đảm bảo, không có tai nạn lao động		
5. Môi trường			
Thuốc BVTV	- Có sử dụng thuốc không nằm trong danh mục cấm theo quy định của FSC		
Phân bón	- Có sử dụng, số lượng tần suất thấp		
Rác thải	Được thu gom và xử lý đúng theo quy trình xử lý rác thải của công ty		

- Công ty có sử dụng phân bón trong việc chăm sóc cây đầu dòng, loại phân sử dụng là phân NPK (3.500kg), hữu cơ hóa sinh, giúp cải thiện kết cấu đất, tăng chất dinh dưỡng cho đất, không gây ô nhiễm môi trường (3.600 kg)

- Năm 2019, loài cây chủ yếu mà công ty sản xuất vẫn là Keo lai, bởi vì đây là loài cây có nguồn xuất rất đa dạng, ngoài ra, đây cũng là loài cây chủ đạo trong hoạt động trồng rừng của công ty. Bên cạnh đó, công ty còn sản xuất các loại giống Thông, bản địa (Thông nhựa, Thông Caribe, Sao đen, Lim xanh, Sên trung,...) phục vụ trồng đai xanh vùng đệm, các dự án,...

- Tổng hợp cây giống sản xuất trong năm 2019:

Loài cây	Cây con Keo lai	Cây mầm KLM	Cây bản địa các loại	Lan các loại
Số lượng (cây)	5,7 triệu cây	4,0 triệu cây	30.000 cây	10.000 cây

b) Hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng

*Trồng rừng:

- Địa điểm, diện tích, loài cây:

Tiểu khu	Diện tích trồng rừng (ha)					Tổng
	Keo lai mô (CT A)	KLM + BĐ (CT C)	Thông Caribe (CT B)	Bản địa (CT B)	Keo lá trà (CT A)	
114	56,4	1,8		4,4		62,6
116	1,4					1,4
118	41,3	0,6				41,9
120	14,5	3,8				18,3
121	2,1		4,0	0,6		6,7
129	13,1	6,3				19,4
135	6,3				2,6	8,9
Tổng	135,1	12,5	4,0	5,0	2,6	159,2

- Các chỉ số đánh giá khác:

Các chỉ số đánh giá	Kết quả	Ghi chú
1. Diện tích		
- Diện tích tự nhiên	204,9 ha	
- Diện tích trừ bỏ	16,4 ha	
- Diện tích đai xanh	29,3 ha	Công thức D (trồng cục bộ bản địa)
- Diện tích trồng rừng tập trung	159,2 ha	
2. Quy cách kỹ thuật		
- Mật độ	Đạt 95 %, vẫn còn một số lô tại khoảnh 4, 6 thì mật độ hơi dày so với TK	Đã yêu cầu khắc phục và đã khắc phục trên hiện trường

- Kích thước hố	Đạt đối với những lô có độ dốc thấp, các lô có độ dốc lớn như tại Khoảnh 12, tiểu khu 114, tỷ lệ hố chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật (chiều sâu)	Đã yêu cầu khắc phục và đã khắc phục trên hiện trường
3. Tiêu chuẩn cây giống	Chiều cao chưa đạt tiêu chuẩn từ 2 - 5 cm (tại khoảnh 6, 9 – tiểu khu 114).	Đã báo cáo với lãnh đạo công ty; công ty yêu cầu các bộ phận có liên quan đưa giải pháp khắc phục; yêu cầu kiểm tra kỹ trong việc xuất cây.
4. Xử lý thực bì		
- Phát thực bì, băm nhỏ rải đều	Đạt kỹ thuật	Áp dụng trên hầu hết hiện trường trồng rừng
- Đốt thực bì	Diện tích nhỏ, ít gây ảnh hưởng đến môi trường (đốt cục bộ theo đám)	Chỉ thực hiện ở một số diện tích thực bì rất dày, thu gom lại từng đồng nhỏ để đốt, đảm bảo về PCCCR (ranh cản lửa, dụng cụ PCCCR, canh trực)
5. Lao động		
- Thuốc y tế, BHLĐ, bảo hiểm	Trang bị đầy đủ	
- An toàn lao động	Đảm bảo, không xảy ra tai nạn lao động	
6. Môi trường		
- Phân bón	Không sử dụng	
- Thuốc BVTV	Không sử dụng	
- Rác thải	Nhiều, được thu gom và xử lý đúng quy trình	Lực lượng bảo vệ rừng thường xuyên tuần tra, nhắc nhở, người lao động đã dần có ý thức và thực hiện đúng quy trình xử lý rác của công ty
- Nguồn nước	Không bị ảnh hưởng	

(Nguồn: Phiếu GSDG hoạt động lâm sinh, hồ sơ hoàn công TRVD 2019)

Các loài cây bản địa công ty sử dụng trồng rừng bao gồm: Huỳnh, Lát hoa, Xoan đào, Lim xanh, Sao đen, ...

**Chăm sóc rừng:*

- Công ty thực hiện chăm sóc trên diện tích 495,8 ha, trong đó khối lượng chăm sóc của từng loại hình như sau:

Rừng trồng	Phát thực bì (ha)	Xâm xói vun gốc (ha)	Bón phân (kg)	Trồng dặm (cây)		
				KLM	KLTM	Bản địa
VX 2018	54,8	45,1	5.185	15.000		350
VĐ 2018	245,6	195,9	23.625	26.200	2.500	5.450
VX 2017	32,4					
VĐ 2017	65,7					
RT 2016	65,9					
RT 2015	6,6					
Tổng	471,0	241,0	28.810	41.200	2.500	5.800

(Nguồn: Phiếu GSDG hoạt động lâm sinh, biên bản nghiệm thu CSR)

- Các chỉ số khác:

Hạng mục	Kết quả	Ghi chú
1. Quy cách kỹ thuật		
- Phát thực bì	Đạt.	Chiều cao gốc chặt thấp, có cắt bỏ dây leo bu bám
- Xâm xói vun gốc	Đạt 90%.	Vẫn còn nhiều gốc vun đường kính chưa đủ, hố bón phân còn cạn, đã yêu cầu khắc phục trên hiện trường, đã khắc phục.
- Bón phân	Đạt.	
- Trồng dặm	Đạt.	Cây giống trồng dặm là cây có chiều cao đạt tiêu chuẩn, sinh trưởng phát triển tốt
2. Lao động		
- Thuốc y tế, BHLĐ, bảo hiểm	Trang bị đầy đủ	
- An toàn lao động	Đảm bảo, không xảy ra tai nạn lao động	
3. Môi trường		
- Phân bón	Có sử dụng, ít ảnh hưởng	Sử dụng phân NPK hữu cơ hóa sinh có lợi cho môi trường
- Thuốc BVTV	Không sử dụng	
- Rác thải	Ít, được xử lý đúng quy trình	
- Nguồn nước	Không bị ảnh hưởng	

(Nguồn: Phiếu GSDG hoạt động lâm sinh)

*Hoạt động khác: Trong năm 2019, công ty đã đẩy mạnh tía cành, tía thân cho rừng tuổi thấp, điều này rất có hiệu quả cho việc phát triển rừng gỗ lớn về sau.

c) Hoạt động khai thác rừng

*Hoạt động khai thác:

Các chỉ số chính	Kết quả	Ghi chú
1. Diện tích, địa điểm khai thác		
- Diện tích	161,4 ha	Có biểu tổng hợp chi tiết
- Địa điểm	Tiểu khu 114, 116, 118, 120, 129, 135	
- Sản lượng khai thác		
2. Kỹ thuật khai thác		
- Chiều dài lóng cắt	Đạt	Đối với gỗ xẻ là 2,5 m, gỗ dầm thì từ 2 - 4 m
- Bóc vỏ, hướng đổ	Đúng quy định	
- Góc chừa lại	Đạt	
3. Đường vận chuyển		
- Tình trạng đường	+ Đường chính: tốt + Đường nhánh: phải duy tu, sửa chữa.	
- Mở mới	Có	Chỉ mở khi thật cần thiết, đảm bảo đúng theo quy định của công ty.
- Sửa chữa đường	Có, tổng sửa chữa 39,8 km	Bao gồm đường nội vùng và đường vận xuất
4. Người lao động		
- Số lượng lao động	Trung bình 20 người/gói	
- Được tập huấn	Có	Tổ chức tập huấn trên hiện trường
- Bảo hộ lao động, bảo hiểm	Có	
- Thời gian làm việc TB	7,5 tiếng/ngày	
5. Môi trường		
- Nguồn nước	Ít bị ảnh hưởng	
- Xói mòn	Ít	Một số vị trí bị xói mòn tại khoảnh 6, 9 - TK 114

- Rác thải	Nhiều, được xử lý đúng quy trình	Chủ yếu là rác thải do sinh hoạt, BVR thường xuyên nhắc nhở công nhân bỏ rác vào túi, công nhân đã dần có ý thức trong việc bảo vệ môi trường.
6. Vận chuyển gỗ	Được theo dõi, giám sát, ghi chép đầy đủ	

(Nguồn: Hồ sơ TKKTR 2019, các phiếu GSDG hoạt động khai thác)

Biểu: Số liệu khai thác năm 2019

STT	Tiểu khu	Khoảnh	Diện tích khai thác (ha)	Năm trồng	Sản lượng (m ³)		
					Dăm	Gỗ	Tổng
1	114, 116	12, 1	23,5	2012	1.243,2	1.723,6	2.966,8
2	118	2	10,7	2011	947,1	898,0	1.845,1
3	118	5	13,7	2011	1.019,8	1.154,6	2.174,4
4	129	4, 6	9,0	2011	559,2	547,9	1.107,1
5	129	2, 5	10,3	2012	776,6	679,3	1.455,9
6	118	4	16,1	2011	1.331,8	1.304,5	2.636,3
7	120	4	16,4	2009, 2010	805,6	1.992,6	2.798,2
8	114	6, 9	37,1	2012	2.597,3	2.690,6	5.287,9
9	118	1, 2, 5	24,6	2003	986,3	2.408,6	3.394,9
Tổng			161,4		10.266,9	13.399,7	23.666,6

(Nguồn: Hồ sơ TKKT 2019, Sổ theo dõi vận xuất gỗ)

d) Các hoạt động điều tra

* Tăng trưởng rừng trồng: Đo đếm rừng trồng năm 2013, 2014, 2015, 2016.

Kết quả: Tăng trưởng bình quân chung = 22,1 m³. (Xem báo cáo chi tiết)

Tăng trưởng rừng trồng Keo lai khác nhau ở từng độ tuổi, bắt đầu tăng trưởng mạnh ở tuổi 5.

*Điều tra sinh trưởng cây bản địa: Công ty có hệ thống rừng trồng cây bản địa khá phong phú, các loài chủ yếu: Sao đen, Dầu rái, Dẻ,...

Số liệu chi tiết (Phiếu điều tra đo đếm sinh trưởng rừng cây bản địa 2019)

*Điều tra các loài động thực vật xuất hiện trong rừng trồng:

- Động vật: Ghi nhận thông qua phỏng vấn một số loài thường gặp: Gà rừng, Ếch, Khỉ, Chồn,...

- Thực vật: Số lượng loài TV trong RT công ty phong phú và đa dạng

**Taxon phân loại các loài thực vật trong rừng trồng
của công ty lâm nghiệp Tiên Phong**

STT	Ngành		Số họ	Số loài
	Tên khoa học	Tên Việt Nam		
1	Polypodiophyta	Dương xỉ	5	5
2	Gnetophyta	Dây gắm	1	1
3	Magnoliophyta	Mộc lan	52	94
Tổng			58	100

V. Đánh giá ưu điểm, hạn chế của công tác GSDG

Ưu điểm	Hạn chế	Biện pháp
<ul style="list-style-type: none"> - Diễn ra đồng bộ từ Phòng KHKT-BVR, BCH đội, Bảo vệ rừng, Nhà thầu, Công nhân,... - Giúp lãnh đạo nắm bắt tình hình công việc diễn ra trên hiện trường nhanh nhất - Công tác Quản lý rừng của công ty được hệ thống hóa, tài liệu hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực của lực lượng BVR còn hạn chế - Kỹ năng, phương pháp xử lý thông tin giám sát, Hệ thống GSDG chưa tốt. - Kiến thức về QLRBV chưa được phổ biến trong người lao động, người dân sống gần rừng - Kiêm nhiệm nhiều công việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho nhân viên công ty, người lao động - Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về QLRBV, chứng chỉ rừng cho người dân gần rừng. - Tiếp tục cập nhật hệ thống GSDG phù hợp với thực tế

VI. Kiến nghị

- Phòng KHKT-BVR, Ban chỉ huy các đội tiếp tục triển khai hoạt động GSDG các hoạt động sản xuất Công ty theo kế hoạch năm 2020.

- Phòng Kế hoạch kỹ thuật chịu trách nhiệm nghiên cứu phương pháp xử lý hiệu quả thông tin giám sát (Công cụ xử lý, báo cáo tóm tắt kết quả giám sát đánh giá..)

- Tiếp tục điều chỉnh các biểu mẫu thu thập thông tin ngắn gọn, định lượng phù hợp với thực tế.

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

Người tổng hợp, báo cáo

Trần Hữu Phúc